

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-PT**
Ngày: 27- 7 -2022.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Nhuận.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Võ Anh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch – Kiểm Sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 và 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 16/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh S.

Người kháng cáo: bị đơn bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày: ông và bà Trần Thị H kết hôn từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh B. Sau khi kết hôn thì ông Đ và bà H chung sống cùng cha, mẹ ông Đ. Vợ chồng chung

sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2020 bà H nói bị bệnh và mẹ ruột bà H rước bà H về nhà ở ấp H, xã Hòa T, huyện M, tỉnh S và hứa khi nào bà H khỏi bệnh sẽ đưa bà H về hoặc ông Đ qua rước bà H. Bà H về nhà mẹ ruột một thời gian thì ông Đ đến nhà cha mẹ vợ rước bà H nhiều lần nhưng mẹ vợ ông không cho bà H về và từ đó đến nay thì bà H vẫn sinh sống tại nhà mẹ ruột của bà H, không quay về chung sống với ông Đ dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nay ông Đ xác định không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị H; về con chung ông Đ và bà H có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 21/7/2015 và Trần Văn Th, sinh ngày 09/12/2016 hiện nay đang sinh sống cùng ông Đ. Ông Đ yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung đến 18 tuổi, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Đ kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh B. Sau khi kết hôn thì bà chung sống bên chồng, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Do bà bị bệnh nên về nhà cha, mẹ ruột sinh sống và trị bệnh tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh S. Mặc dù không còn sống chung với ông Đ nhưng bà H vẫn về thăm con. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn, bà cũng đồng ý. Về con chung là cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 21/7/2015 và Trần Văn Th, sinh ngày 09/12/2016 hiện nay đang chung sống với ông Đ. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến 18 tuổi, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết: Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35,; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Đ được quyền ly hôn với bà Trần Thị H.

- Về con chung: Giao cho ông Trần Văn Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 21/7/2015 và Trần Văn Th, sinh ngày 09/12/2016 đến khi 18 tuổi. Bà Trần Thị H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, bị đơn bà Trần Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm cho bà được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc T đến khi 18 tuổi, do cháu là nữ được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng sẽ thuận lợi hơn khi cháu phát triển về giới tính và bà không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại tòa cháu Trần Thị Ngọc T trình bày nguyện vọng muốn sống cùng cha và ông, bà nội.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung: Ông Trần Văn Đất và Trần Thị H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông Đ, bà H là hợp pháp. Về hôn nhân cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu cho ông Đ được ly hôn với bà H; về tài sản chung, nợ chung Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu; về con chung cấp sơ thẩm tuyên giao con chung là cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 21/7/2015 và Trần Văn Th, sinh ngày 09/12/2016 cho ông Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi xét xử sơ thẩm bà Trần Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần con chung và về phần hôn nhân, tài sản chung, nợ chung thống nhất không kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Trần Thị H xin được trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 27/01/2015. Trong quá trình chung sống giữa ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị H có 02 người con chung là cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 21/7/2015 và Trần Văn Th, sinh ngày 09/12/2016, hiện nay cháu T và cháu Th do ông Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp sơ thẩm đã giải quyết và quyết định giao cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 21/7/2015 và Trần Văn Th, sinh ngày 09/12/2016 cho ông Trần Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Trần Thị H không thống nhất với quyết định này nên kháng cáo yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 21/7/2015 đến khi cháu 18 tuổi do cháu là nữ sống với mẹ sẽ thuận lợi hơn khi cháu phát triển về giới tính.

[3.1] Xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định sau khi ly hôn “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi con, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con về vật chất lẫn tinh thần. Về nguyên tắc, con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Do hiện nay cả ông Đ và bà H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 21/7/2015. Vì vậy, xuất phát từ yêu cầu đảm bảo quyền được hưởng đầy đủ các quyền của đứa trẻ nên khi xem xét việc giao con cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng Tòa án phải đánh giá thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của cha, mẹ.

[3.2] Xét điều kiện chăm sóc con chung của ông Đ và bà H: Từ khi ông Đ và bà H không còn chung sống với nhau thì 02 con chung trong đó có cháu Trần Thị Ngọc T do ông Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H cũng thừa nhận ông Đ có đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc con và từ khi bà về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay thì các cháu sống cùng cha phát triển tốt về thể chất và tinh thần, các con đều có đi học. Còn đối với bà H từ khi về nhà mẹ ruột sinh sống thời gian đầu bà còn qua thăm con nhưng thời gian sau thì bà ít tới lui thăm con, hơn nữa hiện nay công việc của bà là công nhân phải đi làm xa nhà và thời gian đi làm từ 04 giờ sáng đến 18 giờ tối mới về đến nhà. Từ khi bà không chung sống và chăm sóc các con từ năm 2020 đến nay các con đều được ông Đ chăm sóc tốt, được đến trường đầy đủ và cháu T cũng không đồng ý theo bà mà muốn sống với cha. Xét thấy, về yêu cầu được trực tiếp nuôi con là nguyện vọng chính đáng của cha, mẹ khi ly hôn; về điều kiện nuôi con thì cả ông Đ và bà H đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, từ khi ông Đ và bà H không còn chung sống với nhau đã gần 02 năm thì ông Đ là người trực tiếp nuôi con, hiện nay các cháu phát triển tốt về thể chất tinh thần, việc cha mẹ ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu vì phải sống xa cha hay xa mẹ. Từ khi bà H về nhà mẹ ruột thì các cháu sống với cha đã gần 02 năm, các cháu cũng đã thích nghi với việc không sống cùng mẹ, nếu giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ một lần nữa ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, làm xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu, không riêng cháu T mà cháu Th cũng bị ảnh hưởng

phải sống xa chị nên việc cấp sơ thẩm quyết định giao hai cháu cho ông Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuyên.

[4] Đối với ý kiến bà Y cho rằng cháu T là nữ giao cho mẹ chăm sóc sẽ thuận lợi hơn khi cháu phát triển về giới tính. Xét thấy, hiện nay cháu T sống cùng cha và ông, bà nội rất tốt, nếu giao cháu cho bà H nuôi dưỡng thì cháu cũng sống cùng bà ngoại vì bà H đi làm từ 04 giờ sáng đến 18 giờ tối cũng không có thời gian quan tâm chăm sóc cháu và làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Trường hợp sau này nếu có điều kiện hoặc ông Đ không đủ điều kiện chăm sóc tốt cho các cháu ảnh hưởng đến quyền lợi của các cháu thì ông Đ, bà H có thể thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cho phù hợp với lợi ích của các con hoặc bà H có thể khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của bà Trần Thị H là không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[6] Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Trần Thị H là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo là bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Đ được quyền ly hôn với bà Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Văn Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 21/7/2015 và Trần Văn Th, sinh ngày 09/12/2016 đến khi đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0009860 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, ông Đ đã nộp xong án phí.

6. Về án phí phúc thẩm: bị đơn bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009941 ngày 03/5/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trần Thị H đã thực hiện xong.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND H.Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS H.Mỹ Xuyên ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV TAND tỉnh ST;
- Lưu: HS-TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tôn Thị Thanh Thuý